

**CÔNG TY TNHH
HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022



CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 22

317
CÔNG
TY TNHH
HCL &
VIỆT
NAM
PH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Prateek Aggarwal	Chủ tịch
Ông Sundaram Sridharan	Thành viên
Ông Shiv Kumar Walia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Sundaram Sridharan	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Long	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022





RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026

F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 697/2022/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng thành viên
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 06 năm 2022 từ trang 05 đến trang 22 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Xuân Cảnh
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0067-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2019-026-1

36
ĐN
TN
TOÁN
VI
P

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.923.922.787	21.778.802.148
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.011.692.877	6.908.819.296
1. Tiền	111	4.1	11.011.692.877	6.908.819.296
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.350.289.537	11.530.827.564
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	8.939.677.687	8.194.017.954
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.135.957.425	1.157.463.610
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.274.654.425	2.179.346.000
III. Hàng tồn kho	140	4.5	1.106.025.061	1.290.399.670
1. Hàng tồn kho	141		1.394.478.308	1.290.399.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(288.453.247)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.455.915.312	2.048.755.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	318.693.068	261.202.432
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	2.003.348.064	1.787.553.186
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	133.874.180	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.844.877.816	3.795.372.095
I. Tài sản cố định	220		836.896.671	849.930.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	836.896.671	849.930.600
Nguyên giá	222		1.368.016.727	1.096.557.600
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(531.120.056)	(246.627.000)
II. Tài sản dài hạn khác	260		3.007.981.145	2.945.441.495
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	2.699.517.989	2.775.548.286
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		308.463.156	169.893.209
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.768.800.603	25.574.174.243

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.163.333.121	21.612.946.426
I. Nợ ngắn hạn	310		19.420.833.121	15.843.946.669
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	11.757.733.414	7.339.435.561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.9	3.949.197.315	5.213.096.361
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	97.160.935	71.967.112
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	3.234.088.912	2.101.331.148
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.12	382.652.545	921.494.584
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	196.621.903
II. Nợ dài hạn	330		5.742.500.000	5.768.999.757
1. Vay dài hạn	338	4.13	5.742.500.000	5.768.999.757
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.605.467.482	3.961.227.817
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14	5.605.467.482	3.961.227.817
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.144.500.000	1.144.500.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.460.967.482	2.816.727.817
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.816.727.817	1.357.834.067
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.644.239.665	1.458.893.750
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.768.800.603	25.574.174.243

Phê duyệt



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

Người lập

Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách kế toán

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	1	5.1	16.792.398.593	17.106.206.756
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		16.792.398.593	17.106.206.756
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	13.958.363.522	14.044.699.325
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		2.834.035.071	3.061.507.431
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	161.628.822	111.870.688
6. Chi phí tài chính	22	5.4	162.512.715	166.021.236
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		76.459.237	84.069.868
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	981.029.856	1.137.531.006
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.852.121.322	1.869.825.877
9. Chi phí khác	32		6.381.867	4.181.033
10. Lợi nhuận khác	40		(6.381.867)	(4.181.033)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.845.739.455	1.865.644.844
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	340.069.737	303.752.131
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(138.569.947)	102.998.963
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.644.239.665	1.458.893.750

Phê duyệt



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách kế toán

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.845.739.455	1.865.644.844
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	365.014.538	201.222.997
Các khoản dự phòng	03		288.453.247	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(94.346.302)	(98.401.131)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.587.814)	(3.703.542)
Chi phí lãi vay	06	5.4	76.459.237	84.069.868
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.479.732.361	2.048.833.036
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.132.966.220)	(4.563.914.232)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(104.078.638)	(1.103.838.824)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.768.162.485	10.046.574.975
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		18.539.661	(2.116.805.920)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(545.911.029)	(687.936.798)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.483.478.620	3.622.912.237
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ	21		(535.556.727)	(293.436.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		183.576.118	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.587.814	3.703.542
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(350.392.795)	(289.732.458)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		4.133.085.825	3.333.179.779
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		6.908.819.296	3.609.745.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(30.212.244)	(34.105.945)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	11.011.692.877	6.908.819.296

Phê duyệt



Sundaram Sridharan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2022

Người lập



Nguyễn Thị Thảo
Phụ trách kế toán

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH HCL Technologies Việt Nam (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 5438725492 ngày 16 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 02 năm 2020;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0315017737 ngày 27 tháng 04 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 02 năm 2019.

Vốn đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 50.000 USD (tương đương 1.137.500.000 VND), được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/04/2021	
		Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (USD)	Tỷ lệ (%)
HCL Technologies UK Limited	Anh	50.000	100%	50.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 7 (31/03/2021: 13).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy tính;
- Dịch vụ tư vấn phát triển và thực hiện phần mềm;
- Dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ cơ sở dữ liệu và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin;
- Dịch vụ máy tính khác;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 04 năm trước đến ngày 31 tháng 03 năm nay.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá Bloomberg.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

78
G
HH
: & I
: T
HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho thiết bị, dụng cụ quản lý là 05 năm.

3.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí thuê văn phòng; chi phí dịch vụ pháp lý và công cụ dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.11. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.12. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí; chi phí dịch vụ mua ngoài (phí dịch vụ chuyên ngành, phí dịch vụ quản lý văn phòng,...) và chi phí bằng tiền khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.15. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu 0%
- Nội địa 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.011.692.877	6.908.819.296

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	5.743.433.922	5.679.271.408
Phải thu từ khách hàng:		
Ericsson AB	1.156.610.353	-
Huntsman International LLC	737.901.709	279.768.579
Fonterra Co-operative Group Limited	600.699.934	-
International Business Machine	507.210.000	-
Các khách hàng khác	193.821.769	2.234.977.967
Cộng	8.939.677.687	8.194.017.954

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	1.133.169.425	1.156.450.000
Các nhà cung cấp khác	2.788.000	1.013.610
Cộng	1.135.957.425	1.157.463.610

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	2.062.757.925	-	1.965.182.000	-
Ký quỹ thuê văn phòng	211.896.500	-	214.164.000	-
Cộng	2.274.654.425	-	2.179.346.000	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2022 VND		Tại ngày 01/04/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.064.729.741	-	1.207.668.670	-
Hàng hóa	329.748.567	(288.453.247)	82.731.000	-
Cộng	1.394.478.308	(288.453.247)	1.290.399.670	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	154.724.994	-
Chi phí dịch vụ pháp lý	118.232.730	152.760.857
Chi phí thuê văn phòng	14.326.790	56.346.840
Các khoản khác	31.408.554	52.094.735
Cộng	318.693.068	261.202.432
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.699.517.989	2.775.548.286

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/04/2021	1.096.557.600
Mua trong năm	535.556.727
Thanh lý trong năm	(264.097.600)
Tại ngày 31/03/2022	1.368.016.727
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/04/2021	246.627.000
Khấu hao trong năm	365.014.538
Thanh lý trong năm	(80.521.482)
Tại ngày 31/03/2022	531.120.056
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/04/2021	849.930.600
Tại ngày 31/03/2022	836.896.671

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022		Tại ngày 01/04/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	9.767.001.903	9.767.001.903	5.602.442.474	5.602.442.474
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Excis Vietnam Ltd DXC Technology Services Singapore Pte Limited	800.617.578	800.617.578	152.419.710	152.419.710
Phải trả cho các đối tượng khác	655.088.612	655.088.612	655.088.612	655.088.612
	535.025.321	535.025.321	929.484.765	929.484.765
Cộng	11.757.733.414	11.757.733.414	7.339.435.561	7.339.435.561

4.9. Người mua trả trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	3.949.197.315	5.213.006.902
Các khách hàng khác	-	89.459
Cộng	3.949.197.315	5.213.096.361

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/03/2022	Số phát sinh	Số đã khấu trừ	Tại ngày 01/04/2021	
	VND	VND	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.003.348.064	595.598.581	379.803.703	1.787.553.186	
	Tại ngày 31/03/2022		Trong năm	Tại ngày 01/04/2021	
	VND		VND	VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.874.180	-	340.069.737	545.911.029	71.967.112
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	98.123.056	98.123.056	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	97.160.935	129.006.742	31.845.807	-
Cộng	133.874.180	97.160.935	567.199.535	675.879.892	71.967.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Chi phí dịch vụ IT	2.490.165.074	772.619.280
Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 6	448.345.688	373.188.983
Chi phí lương tháng 13 và thưởng	216.594.887	194.971.034
Chi phí phải trả khác	78.983.263	760.551.851
Cộng	3.234.088.912	2.101.331.148

4.12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ	188.726.301	684.664.508
Công ty Cổ phần TMGS Việt Nam	167.295.091	169.497.974
Các khách hàng khác	26.631.153	67.332.102
Cộng	382.652.545	921.494.584

4.13. Vay dài hạn

Là khoản vay dài hạn bên liên quan theo hợp đồng vay ngày 08 tháng 08 năm 2018, thời hạn 6 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, với mức lãi suất bằng lãi suất Libor + 100 bps - Xem thêm mục 6.

4.14. Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/04/2020	1.144.500.000	1.357.834.067	2.502.334.067
Lãi trong năm trước	-	1.458.893.750	1.458.893.750
Tại ngày 01/04/2021	1.144.500.000	2.816.727.817	3.961.227.817
Lãi trong năm nay	-	1.644.239.665	1.644.239.665
Tại ngày 31/03/2022	1.144.500.000	4.460.967.482	5.605.467.482

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/03/2022	Tại ngày 01/04/2021
Ngoại tệ các loại:		
USD	258.224,31	288.389,71

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.792.398.593	17.106.206.756
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	11.489.809.999	13.750.300.176

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	94.346.302	98.401.131
Lãi chênh lệch tỷ giá	56.138.141	6.371.312
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.587.814	3.703.542
Doanh thu tài chính khác	9.556.565	3.394.703
Cộng	161.628.822	111.870.688

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 6	76.459.237	84.069.868
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.053.478	81.951.368
Cộng	162.512.715	166.021.236

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế, phí và lệ phí	49.725.729	5.099.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	929.207.127	1.124.753.769
<i>Phí dịch vụ chuyên ngành</i>	571.420.622	845.570.232
<i>Phí dịch vụ quản lý văn phòng</i>	82.391.001	198.743.737
<i>Chi phí khác</i>	275.395.504	80.439.800
Chi phí bằng tiền khác	2.097.000	7.677.511
Cộng	981.029.856	1.137.531.006

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	3.169.214.319	4.969.953.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	365.014.538	201.222.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.405.164.521	10.011.054.047
Cộng	14.939.393.378	15.182.230.331

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	386.734.807	298.054.131
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(46.665.070)	5.698.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	340.069.737	303.752.131

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	1.845.739.455	1.865.644.844
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.502.791.367	2.544.853.947
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(3.414.856.787)	(2.281.540.710)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.933.674.035	2.128.958.081
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	386.734.807	425.791.616
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	(127.737.485)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	386.734.807	298.054.131

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|-----------------------------------|
| 1. HCL Technologies UK Limited | Công ty mẹ |
| 2. HCL Technologies Limited | Công ty mẹ sau cùng |
| 3. Các công ty thành viên trong cùng Tập đoàn HCL | Công ty thành viên thuộc Tập đoàn |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
HCL Axon Solutions (Shanghai) Company Limited	907.166.962	234.880.708
Filial Espanola De HCL Technologies S.L	550.144.854	22.986.004
HCL Technologies Indonesia	458.689.309	999.382.792
HCL Technologies Malaysia SDN BHD	441.453.826	246.382.446
HCL Technologies (PTY) Limited	358.830.735	-
HCL Technologies France	310.705.835	-
Các bên liên quan khác	2.716.442.401	4.175.639.458
Cộng - Xem thêm mục 4.2	5.743.433.922	5.679.271.408

Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm mục 4.3:

Công ty TNHH HCL Việt Nam	1.133.169.425	1.156.450.000
---------------------------	---------------	---------------

Phải thu ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.4:

Công ty TNHH HCL Việt Nam	2.062.757.925	1.965.182.000
---------------------------	---------------	---------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/03/2022 VND	Tại ngày 01/04/2021 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
HCL Technologies Limited	(6.233.600.706)	(4.624.808.240)
HCL Technologies (Shanghai) Limited	(581.254.818)	-
HCL Singapore Pte Limited	(395.104.617)	(231.933.995)
HCL Technologies Malaysia SDN BHD	(313.605.046)	(246.382.446)
HCL Technologies Lanka (Private) Limited	(287.041.173)	-
Các bên liên quan khác	(1.956.395.543)	(499.317.793)
Cộng - Xem thêm mục 4.8	<u>(9.767.001.903)</u>	<u>(5.602.442.474)</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
HCL Japan Limited	(3.039.467.942)	(3.084.109.922)
Các bên liên quan khác	(909.729.373)	(2.128.896.980)
Cộng - Xem thêm mục 4.9	<u>(3.949.197.315)</u>	<u>(5.213.006.902)</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn - Xem thêm mục 4.11:		
HCL Singapore Pte Limited	(448.345.688)	(373.188.983)
Vay dài hạn - Xem thêm mục 4.13:		
HCL Singapore Pte Limited	(5.742.500.000)	(5.768.999.757)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Filial Espanola De HCL Technologies S.L	942.392.887	22.986.004
HCL Technologies Malaysia SDN BHD	842.247.903	-
HCL Technologies Germany GmbH	825.765.323	-
HCL (Ireland) Information Systems Limited	778.170.646	608.204.718
HCL Technologies Sweden AB	722.286.269	-
HCL Axon Solutions (Shanghai) Co., Limited	672.286.254	234.880.708
HCL Technologies Middle East FZ- LLC	487.379.575	-
HCL Technologies Austria GmbH	463.815.161	2.035.350.485
HCL Technologies France	415.010.909	-
Các bên liên quan khác	5.340.455.072	10.848.878.261
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>11.489.809.999</u>	<u>13.750.300.176</u>

CÔNG TY TNHH HCL TECHNOLOGIES VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 16, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua dịch vụ:		
HCL Technologies Limited	(2.100.781.778)	(3.658.728.392)
Các bên liên quan khác	(2.387.111.424)	(976.755.552)
Cộng	<u>(4.487.893.202)</u>	<u>(4.635.483.944)</u>
Chi phí lãi vay - Xem thêm mục 5.4:		
HCL Singapore Pte Limited	(76.459.237)	(84.069.868)

7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Phê duyệt

TP. Hồ Chí Minh, 16 tháng 06 năm 2022

Người lập**Nguyễn Thị Thảo**
Phụ trách kế toán